TOSHIBA

Leading Innovation >>>

# e-STUDIO™2518A
# e-STUDIO™3018A
# e-STUDIO™3518A
# e-STUDIO™4518A
# e-STUDIO™5018A

- Máy in đa chức năng đen trắng.
- Tốc độ tối đa 50 tờ/ phút
- Phù hợp mọi quy mô nhóm làm việc
- Copy, In, Scan, Fax
- Tính bảo mật cao
- Dịch vụ giải pháp không giới hạn

TOGETHER INFORMATION™

# e-STUDIO™ 2518A/3018A/3518A/4518A/5018A

## Phụ kiện ( Tùy chọn)

Bộ bấm lỗ MJ-6105
*Cho: MJ1109/MJ1110

Saddle-Stitch Finisher MJ-1110-B

50 SheetsStaple Finisher MJ-1109-B

Inner F. MJ-1042-B
Bộ bấm lỗ MJ-6011

Bridge Kit KN-5005

Chia bộ:
e-25/3018A :MJ-5014
e-35/45/5018A:MJ-5015

Nắp máy KA-5005PC

RADF MR3031-B

DSDF MR-4000-B

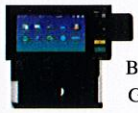

Bàn phím GR-1340

Khay đựng phụ kiện GR-1330

## Bộ kết nối và bảo mật:

| | | | |
|---|---|---|---|
| Kit In Scan | GM-2290 | Bộ Fax | GD-1370EU |
| Bộ đọc thẻ | GR-1320 | Bộ nhớ 4GB | GC-1410 |
| Bộ ghi dữ liệu | GP-1070 | Bộ gắn USB | GR-1310 |
| Bộ MetaScan | GS-1010 | Bộ IPsec | GP-1080 |
| Bàn phím 10 phím | GR-1340 | Unicode Font | GS-1007 |
| Bộ không dây: LAN/Bluetooth | | | GN-4020 |
| Bộ OCR- | 01 Lic: GS-1080, | | 02 Lic: GS-1085 |
| Bộ In đa trạm | -01 Lic: GS-1090, | | 02 Lic: GS-1095 |

## Tùy chọn khác:

| | |
|---|---|
| Tay trợ giúp | KK-2560 |
| Work tray | KK-5005 |
| Bộ điều khiển đồng xu | GQ-1280 |
| Ngăn để tài liệu | KK-5008 |

Bộ cấp giấy lớn KD-1059A4-B

Kệ để máy PFP KD-1058C-B

Kệ máy MH-5005

Khay MY-1048-B
*Phải có KD-1058C-B

## Thông số chính:

| | |
|---|---|
| Hệ thống Copy | : Công nghệ chụp ảnh tĩnh điện gián tiếp OPC, In bằng LED. |
| Màn hình | : LCD cảm ứng chuẩn WSVGA màu 10.1 inch |
| Tốc độ Copy | : 25/30/35/45/50 trang/ phút (A4) |
| Bản chụp đầu tiên | : 4.3/ 4.3/ 3.6/ 3.6/ 3.6 giây |
| Thời gian khởi động | : Khoảng 20 giây |
| Độ phân giải Copy | : 2400x600 dpi ở chế độ Smoothing |
| Khổ giấy nạp tay | : 100x148 mm đến A3, Phong bì |
| Số lượng Copy | : Tối đa 999 trang / lần Copy |
| Dung lượng giấy | : Chuẩn 1200 tờ/ Tối đa 3200 tờ |
| Độ nạp bản gốc | : Tối đa 300 tờ với DSDF hoặc 100 tờ với RADF |

**Tốc độ & trọng lượng Scan:**

| | |
|---|---|
| DSDF Scan | : Trang đôi- Tối đa 240 trang/ phút, 35- 209 g/m2<br>Trang đơn-Tối đa 120 trang/ phút, 35- 209 g/m2 |
| RADF Scan | : Trang đôi- Tối đa 73 trang/ phút, 50- 157 g/m2<br>Trang đơn-Tối đa 73 trang/ phút, 35- 157 g/m2 |
| Khổ giấy tối đa | : A3 |
| Khổ giấy chuẩn | : Khay 01: 550 tờ, A5R-A3<br>Khay 02: 550 tờ, A5R-320x460 mm<br>Khay tay: 100 tờ, 100x148 mm – 320x460 mm, 305x1200 mm (Biểu ngữ quảng cáo) |
| Trọng lượng giấy | : Khay 01&02 : 550 tờ, 60- 256 g/m2<br>Khay tay : 100 tờ, 52- 256 g/m2 |
| Chức năng hai mặt | : Chuẩn có sẵn, 60- 256 g/m2 |
| Tỷ lệ phóng to thu nhỏ | : 25% - 400% |
| Trọng lượng máy | : Khoảng 56.8 kg |
| Kích cỡ máy | : 585mm(W) x 586mm(D) x 787mm(H) |
| Mực sử dụng | : 43.900 trang (độ phủ mực 5% cho A4) |
| Nguồn | : 220- 240V, 50/60 Hz, 8A, max 2.0 Kw |
| Vi xử lý | : Intel Atom 1.33GHz (nhân kép) |
| Bộ nhớ | : Tối đa 4GB |
| Ổ cứng (HDD) | : 320 GB Tự mã hóa, bảo mật chuẩn Toshiba ADI |

## Thông số Scan:

**Tốc độ Scan:**

| | |
|---|---|
| DSDF Scan | : Trang đôi- Tối đa 240 ảnh/ phút,<br>Trang đơn-Tối đa 120 ảnh/ phút |
| RADF Scan | : Trang đôi-Tối đa 73 ảnh/ phút,<br>Trang đơn-Tối đa 73 ảnh/ phút |
| Chế độ Scan | : Full Colour, Auto Colour, Monochrome, Grayscale. |
| Độ phân giải | : 600 dpi, 400 dpi, 300 dpi, 200 dpi, 150dpi, 100 dpi |
| Định dạng file | : |
| Monochrome | : TIFF, PDF, XPS.<br>Tùy chọn: DOCX, XLSX, PPTX, PDF có chức năng tìm kiếm. |
| Color/Grayscale: | : JPEG, TIFF, PDF Slim PDF, XPS.<br>Tùy chọn:DOCX, XLSX, PPTX, PDF có chức năng tìm kiếm. |
| Nén hình ảnh | : Color/Grayscale: JPEG (chất lượng cao, trung, thấp) |

## Thông số in e-Bridge:

| | |
|---|---|
| Ngôn ngữ in | : PCL5e, PCL5c, PCL6(PCL XL), Ps3, PDF, XPS, JPEG |
| Tốc độ in | : 25/30/35/45/50 trang trên phút (A4) |
| Độ phân giải in | : 600x 600 dpi (1 bit), 2400x 600 dpi (chế độ Smoothing) 1200x1200dpi (2 bit), 3600x1200dpi (chế độ Smoothing) với PS3 |
| Hệ điều hành | : Window Server 2008 R2, R2 SP1, 2008/SP2,Window 7,8.1, 10, Window Server 2012/R2, Window Server 2016, Unix, Linux Machintosh (MacOS x 10.7.4, 10.8, 10.9, 10.10, 10.11, 10.12, 10.13) |
| Giao thức mạng | : TCP/IP (IPv4, IPv6), NetBIOS over TCP/IP, IPX/SPX cho môi trường Novell, EtherTalk cho môi trường Macintosh |
| Giao diện | : RJ-45 Ethernet (10/100/1000 Base-T), USB2.0 (High-Speed), Tùy chọn 802.11b/g/n, Wireless Lan, tùy chọn Bluetooth. |
| Thiết bị không dây | : Airprint, Mopria, ứng dụng e-Bridge Print & Capture trên IOS và Android (có sẵn trên Apple APP hoặc Google Play) |
| Quản lý thiết bị | : TopAccess, e-Suite |
| Kiểm soát tài khoản | : Hỗ trợ tối đa 10.000 Users hoặc 1.000 mã bộ phận ( trên thiết bị) Login Name/ Password (via Window domain hoặc LDAP Server) cho chức năng Copy, In, Scan, Fax, List và User Function. |
| Chức năng bảo mật | : User Authentication- Xác nhận người sử dụng, chức năng On-Board Data Scramble, SCEP, vô hiệu hóa e-Filing, vô hiệu hóa Copy, Disk Overwrite, bộ lọc IP Address (10 sets), bộ lọc Mac Address (10 sets), quản chế dịch vụ Network, quản chế Port Network, giao thức SMB, SSL/TLS (HTTP,IPP, LDAP, SMTP, POP, FTP, DPWS, SYSLOG), IPsec (IKEv1, IKEv2), thay đổi chế độ bảo mật, CC Certified (ISO/IEC15408)*IEEE802.1X (Wired/Wireless), chữ ký số cho các tiện ích khách hàng, chính sách mật khẩu, bộ khóa mật khẩu, mật khẩu quá hạn, bộ tự kiểm tra, kiểm soát truy cập job, kiểm soát đăng nhập cho truy cập job, kiểm soát truy cập theo tem bảo mật, PDF bảo mật, chữ ký số cho nâng cấp Firmware, chức năng kiểm soát toàn diện, lưu trữ hình ảnh, xác nhận qua thẻ, xác nhận NFC* phù hợp chế độ bảo mật cao HCD-PPv1.0. |
| Chuẩn môi trường | : ENERGY STAR(V2.0), Blue Angel Mark(RAL UZ-205,MFD), Nordic Swan, RoHS |
| Chứng nhận | : WHQL (Window 7,8, 8.1, 10,2008 R2, 2012, 2012 R2), Novell, Citrix, SAP, Airprint và Mopria. |

## Thông số Fax:

| | |
|---|---|
| Tương thích | : Super G3, G3 |
| Dữ liệu nén | : MH/ MR/ MMR/ JBIG |
| Tốc độ truyền | : Khoảng 03 giây/ trang |
| Tốc độ Fax Modem | : Tối đa 33.6 Kbps |
| Bộ nhớ truyền | : 100 Jobs (với HDD), tối đa 2.000 nơi gửi đi, 400 nơi gửi đi/ Job |
| Tốc độ Scan | : 0.7 giây/ trang, tối đa 73 ảnh/ phút. |

## Thông số e-Filing:

| | |
|---|---|
| Phương pháp vận hành | : Điều khiển từ màn hình cảm ứng màu hoặc máy tính (PC) |
| Số lượng hộp | : Dùng chung: 01 hộp, User cá nhân: 200 hộp. |
| Dung lượng hộp | : 100 thư mục/ hộp, 400 văn bản/ thư mục/ hộp, 200 trang/ văn bản. |

*Tài liệu này được biên soạn dựa trên thông tin chính xác trước khi ra mắt sản phẩm. Sản phẩm thiết kế và thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước. Hình ảnh sản phẩm có thể có thể khác trong tài liệu này. Không được sử dụng hoặc sao chép bất kì phần nào trong tài liệu này bằng bất kì cách nào khi không được phép.Thời gian khởi động và tốc độ in có thể khác tùy vào hoạt động môi trường.*

**Toshiba TEC Singapore Pte Ltd**
2 Ang Mo Kio Street 62 Singapore 569138
Tel: (65) 6481 9488 Fax: (65) 6481 2385
www.estudio.com.sg

Đại lý phân phối chính thức được ủy quyền tại Việt Nam
**Công Ty TNHH Thương Mại Đại Hoàng Gia**
2/31 Cao Thắng, Phường 5, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
**Hotline:** 1800 588810 - **Tel:** 028 3929 6681
**Fax:** 028 3929 6686 - **Web:** www.toshibatec.com.vn